

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày: 08-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Trần Văn Liêm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng P. Địa chỉ: Số 22, Đường N, phường B, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp của P: Bà Trần Thị Quỳnh N1 - Chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng, bà Lê Thị L – chức vụ: Chuyên viên tổ tụng, ông Trần Đức N - Chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng - P là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 6054/UQ-PVB ngày 05/8/2025).

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp B, xã T2, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Ấp B, xã T2, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện nguyên đơn ông N có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/12/2016, P và ông Nguyễn Duy T đã ký kết hợp đồng vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016, với hạn mức cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, phương thức bảo đảm tín chấp. Lãi suất cho vay: Từ ngày 27/12/2016 đến ngày 26/3/2017, lãi suất 13,7%/năm, từ ngày 27/6/2017 đến hết thời hạn cho vay, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng 01 lần theo công thức: $LS_{13} + 6\%/năm$, trong đó LS_{13} là lãi suất tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng trong từng thời kỳ. P đã giải ngân cho ông T số tiền vay 100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông T đã thanh toán được cho ngân hàng tổng số tiền 73.068.612 đồng gồm: 56.017.289 đồng tiền gốc và 17.051.323 đồng tiền lãi.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù P đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho P.

Theo đơn khởi kiện, P yêu cầu ông Nguyễn Duy T phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho P tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/4/2025 là 112.711.682 đồng theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016 (gồm: nợ gốc 43.982.711 đồng, nợ lãi 68.728.971 đồng) và phải trả cho P các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016 kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với các khoản vay trên.

Tại phiên tòa, P yêu cầu ông Nguyễn Duy T phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho P tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07/8/2025 là 116.030.813 đồng theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016 (gồm: nợ gốc 43.982.711 đồng, nợ lãi 72.048.102 đồng) và phải trả cho P các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016 kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với các khoản vay trên.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông T trong quá trình tố tụng đã được Tòa án thực hiện thủ tục triệu tập và cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện *đúng, đầy đủ* quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 BLTTDS về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ

án; Điều 68 BLTTDS về xác định tư cách tham gia tố tụng; Các điều từ 93 đến 97 BLTTDS về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 BLTTDS về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự; Các điều từ 208 đến 211 BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Điều 203 BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này bị đơn đã vi phạm các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Không nhận thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để hòa giải, xét xử.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn P yêu cầu ông T phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07/8/2025 là 116.030.813 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ông T hiện đang cư trú tại Ấp B, xã T2, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Về nội dung tranh chấp: P yêu cầu ông T phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07/8/2025 là 116.030.813 đồng theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016 (gồm: nợ gốc 43.982.711 đồng, nợ lãi 72.048.102 đồng) và phải trả cho P các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016 kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với các khoản vay trên. Căn cứ để chứng minh là hợp đồng vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông T để ông T tham gia

tổ tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 27/12/2016, P và ông Nguyễn Duy T đã ký kết hợp đồng vay trả góp bằng lương số Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016, số tiền vay là 100.000.000 đồng, ngân hàng đã giải ngân cho ông T. Lãi suất cho vay: Từ ngày 27/12/2016 đến ngày 26/3/2017, lãi suất 13,7%/năm, từ ngày 27/6/2017 đến hết thời hạn cho vay, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng 01 lần theo công thức: $LS_{13} + 6\%/năm$, trong đó LS_{13} là lãi suất tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông T đã thanh toán được cho ngân hàng tổng số tiền 73.068.612 đồng gồm: 56.017.289 đồng tiền gốc và 17.051.323 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, sau đó ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng theo thỏa thuận đã ký kết dù đã được ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn P đối với bị đơn ông Nguyễn Duy T về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Duy T có trách nhiệm thanh toán cho P tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07/8/2025 là 116.030.813 đồng (một trăm mười sáu triệu không trăm ba mươi ngàn tám trăm mười ba đồng) theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016 (gồm: nợ gốc 43.982.711 đồng, nợ lãi 72.048.102 đồng).

Kể từ ngày 8/8/2025 cho đến khi ông Nguyễn Duy T thanh toán hết các số tiền nợ cho P thì ông Nguyễn Duy T phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất

thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0362/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Duy T phải chịu 5.801.541 đồng (năm triệu tám trăm lẻ một ngàn năm trăm bốn mươi một đồng).

Hoàn trả cho P số tiền 2.817.792 đồng (hai triệu tám trăm mười bảy ngàn bảy trăm chín mươi hai đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002118 ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2025).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- THA DS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Tuyền